

## Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
<b>ĐẾN</b>	Số: 5025
	Ngày: 15/12/15
	Chuyển: N.Y.M
	Lưu hồ sơ số:



# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	5
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	6 - 18

# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 222 Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà E-Town 2, Lầu 6, Số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có hai công ty con là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử.

Hoạt động chủ yếu trong năm của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch
Ông Trần Lê Quân	Thành viên
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên
Ông Chris Freund	Thành viên
Ông Thomas Lanyi	Thành viên
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên
Ông Robert Willet	Thành viên
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Hoàng Xuân Thắng	Thành viên
Bà Nguyễn Khánh Vân	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Tổng Giám đốc
Ông Điều Chính Hải Triều	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Tài.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 7 và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám Đốc:



Ông Nguyễn Đức Tài  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 2 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>253.431.102.062</b>	<b>44.415.750.473</b>
110	<b>I. Tiền</b>	4	<b>84.295.376</b>	<b>166.006.122</b>
111	1. Tiền		84.295.376	166.006.122
130	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>253.088.302.545</b>	<b>44.074.841.812</b>
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn		71.850.000	-
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	247.012.499.355	36.392.870.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	6.003.953.190	7.681.971.812
150	<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>258.504.141</b>	<b>174.902.539</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		258.504.141	174.902.539
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.157.304.771.000</b>	<b>1.085.065.191.000</b>
250	<b>I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.157.304.771.000</b>	<b>1.085.065.191.000</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con	7	1.157.304.771.000	1.085.065.191.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.410.735.873.062</b>	<b>1.129.480.941.473</b>
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.602.045.504</b>	<b>6.771.963.845</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.602.045.504</b>	<b>6.771.963.845</b>
313	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		535.445.504	1.535.236.325
315	2. Chi phí phải trả ngắn hạn		116.600.000	286.727.520
322	3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.950.000.000	4.950.000.000
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.405.133.827.558</b>	<b>1.122.708.977.628</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	8.1	<b>1.405.133.827.558</b>	<b>1.122.708.977.628</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.468.889.740.000	1.119.567.790.000
411a	- Cổ phiếu có đồng có quyền biểu quyết		1.468.889.740.000	1.119.567.790.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		628.592.500	628.592.500
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.454.294.500)	(300.394.500)
421	4. (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(61.930.210.442)	2.812.989.628
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(346.508.960.372)	(37.117.882.181)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		284.578.749.930	39.930.871.809
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.410.735.873.062</b>	<b>1.129.480.941.473</b>

Lý Trần Kim Ngân  
Người lập

Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Đức Tài  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 2 năm 2016

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014	Năm nay	Năm trước
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	8	2.847.482.172	6.917.543.900	287.853.739.044	447.004.756.661
22	2. Chi phí tài chính		-	(15.463)	-	(15.463)
25	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(435.318.969)	(237.773.400)	(1.830.419.598)	(2.130.657.920)
30	4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.412.163.203	6.679.755.037	286.023.319.446	444.874.083.278
31	5. Thu nhập khác			213.034.558	-	1.257.481.105
40	7. Lợi nhuận khác			213.034.558	-	1.257.481.105
50	8. Lợi nhuận trước thuế		2.412.163.203	6.892.789.595	286.023.319.446	446.131.564.383
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	9	(535.445.504)	(1.516.413.711)	(1.444.569.516)	(4.191.202.574)
60	10. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.876.717.699	5.376.375.884	284.578.749.930	441.940.361.809



*(Handwritten signature)*

Lý Trần Kim Ngân  
Người lập


Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính


Ngày 12 tháng 2 năm 2016


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế		286.023.319.446	446.131.564.383
05	Điều chỉnh cho các khoản: Lãi từ hoạt động đầu tư	9	(287.853.739.044)	(447.004.756.661)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.830.419.598)	(873.192.278)
09	Tăng các khoản phải thu		(155.251.602)	(8.247.751.299)
11	Giảm các khoản phải trả		(188.950.134)	(1.505.870.927)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	10	(2.425.537.723)	(3.674.226.740)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(50.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(4.600.159.057)	(14.351.041.244)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	Tiền chi cho vay		(287.090.000.000)	(791.761.500.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		76.470.370.645	614.143.337.748
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con		(72.239.580.000)	(400.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức được chia		289.531.557.666	450.500.124.380
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		6.672.348.311	(127.118.037.872)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Phát hành cổ phiếu		-	11.866.630.000
32	Mua lại cổ phiếu		(2.153.900.000)	(300.394.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(2.153.900.000)	11.566.235.500
50	Giảm tiền thuần trong năm		(81.710.746)	(129.902.843.616)
60	Tiền đầu năm		166.006.122	130.068.849.738
70	Tiền cuối năm	4	84.295.376	166.006.122

  
Lý Trần Kim Ngân  
Người lập

  
Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính

  
Nguyễn Đức Tài  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 2 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 222 Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà E-Town 2, Lầu 6, Số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chủ yếu trong năm của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ có các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200").

*Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng độ năm này như đã trình bày tại Thuyết minh số 14.

**3.2 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Đầu tư vào các công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.6 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.7 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.8 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.9 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.10 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009, hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Công cụ tài chính (tiếp theo)**

*Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	432.000	560.500
Tiền gửi ngân hàng	83.863.376	165.445.622
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>84.295.376</b>	<b>166.006.122</b>

**5. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN**

Phải thu cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động - công ty con vay và hưởng tiền lãi theo lãi suất 4,5%/năm (Thuyết minh số 11).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lãi cho vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 11)	5.918.705.751	7.596.724.373
Phải thu ngắn hạn khác	85.247.439	85.247.439
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.003.953.190</b>	<b>7.681.971.812</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**7. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON**

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ sở hữu	Số tiền		
	(%)	(VNĐ)	(%)	(VNĐ)		
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (*)	99,95	1.027.352.771.000	99,35	955.113.191.000	TP HCM - Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử
Công ty Cổ phần Thế Giới Điện Tử	99,95	129.952.000.000	99,95	129.952.000.000	TP HCM - Việt Nam	Thương mại thực phẩm
		<b><u>1.157.304.771.000</u></b>		<b><u>1.085.065.191.000</u></b>		

(\*) Ngày 1 tháng 7 năm 2015, Công ty đã mua thêm 0,6% quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động ("TGDD") từ cổ đông thiểu số của TGDD với số tiền 72.239.580.000 VNĐ, tăng quyền sở hữu của Công ty trong TGDD từ 99,35% lên 99,95%.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 8. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 8.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế/ (Lỗ lũy kế)/ chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>					
Số đầu năm	109.567.040.000	115.489.262.500	-	449.146.077.819	674.202.380.319
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	6.851.120.000	5.015.510.000	-	-	11.866.630.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	119.876.180.000	(119.876.180.000)	-	-	-
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2013	829.962.270.000	-	-	(829.962.270.000)	-
Phát hành cổ phiếu ESOP	53.311.180.000	-	(300.394.500)	(53.311.180.000)	-
Mua lại cổ phiếu	-	-	-	-	(300.394.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	441.940.361.809	441.940.361.809
Số cuối năm	1.119.567.790.000	628.592.500	(300.394.500)	2.812.989.628	1.122.708.977.628
<b>Năm nay:</b>					
Số đầu năm	1.119.567.790.000	628.592.500	(300.394.500)	2.812.989.628	1.122.708.977.628
Phát hành cổ phiếu thưởng	279.471.970.000	-	-	(279.471.970.000)	-
Phát hành cổ phiếu ESOP	69.849.980.000	-	-	(69.849.980.000)	-
Mua lại cổ phiếu	-	-	(2.153.900.000)	-	(2.153.900.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	284.578.749.930	284.578.749.930
Số cuối năm	1.468.889.740.000	628.592.500	(2.454.294.500)	(61.930.210.442)	1.405.133.827.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**8. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**8.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Vào ngày 15 tháng 6 năm 2015, Công ty đã phát hành 27.947.197 cổ phiếu thường mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu với tổng giá trị là 279.471.970.000 VNĐ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ thực hiện là 4:1 (phát hành 1 cổ phiếu mới cho mỗi 4 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01\_2015/NQĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 6 tháng 3 năm 2015.

Vào ngày 11 tháng 12 năm 2015, Công ty đã phát hành 6.984.998 cổ phiếu thường theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") trong Công ty và các công ty con mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu với tổng giá trị là 69.849.980.000 VNĐ từ lợi nhuận chưa phân phối của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01\_2015/NQĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 6 tháng 3 năm 2015.

Vào ngày 21 tháng 6 năm 2015 và ngày 25 tháng 12 năm 2015 Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cho các lần phát hành cổ phiếu trên.

**8.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<i>Số cổ phiếu</i>
Số đầu năm	111.956.779
Tăng vốn trong năm	<u>34.932.195</u>
Số cuối năm	<u>146.888.974</u>

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VNĐ thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**8.3 Cổ phiếu – cổ phiếu phổ thông**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Số cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	146.888.974	111.956.779
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	146.888.974	111.956.779
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(218.673)	(3.283)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	146.670.301	111.953.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**9. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	279.478.774.372	427.080.643.591
Lãi tiền gửi	8.374.964.672	19.924.113.070
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>287.853.739.044</b>	<b>447.004.756.661</b>

**10. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện hành. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập chịu thuế ước tính:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	286.023.319.446	446.131.564.383
Các khoản điều chỉnh		
Thu nhập từ cổ tức	(279.478.774.372)	(427.080.643.591)
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	21.680.000	-
Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm	<b>6.566.225.074</b>	<b>19.050.920.792</b>
Thuế TNDN ước tính trong năm	<b>1.444.569.516</b>	<b>4.191.202.574</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	1.516.413.711	999.437.877
Thuế TNDN đã trả trong năm	(2.425.537.723)	(3.674.226.740)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	<b>535.445.504</b>	<b>1.516.413.711</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**11. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Góp vốn	-	824.292.630.000
		Cho vay	287.090.000.000	791.761.500.000
		Cổ tức	279.478.774.372	427.080.643.591
		Thu hồi vay	76.470.370.645	591.593.337.748
		Thu nhập lãi vay	8.373.535.106	16.260.627.372
Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử	Công ty con	Thu hồi vay	-	22.550.000.000
		Thu nhập lãi vay	-	245.080.953
Ông Robert Willet	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chi phí tư vấn	1.949.419.338	-

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Mua cổ phần	24.822.856.296	-
Ông Trần Lê Quân	Thành viên Hội đồng Quản trị	Mua cổ phần	21.335.517.126	-
Ông Đinh Anh Huân	Thành viên Hội đồng Quản trị	Mua cổ phần	11.853.428.706	49.950.000.000
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên Hội đồng Quản trị	Mua cổ phần	7.077.769.146	-
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng Ban kiểm soát	Mua cổ phần	7.077.769.146	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	VNĐ	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	<u>247.012.499.355</u>	<u>36.392.870.000</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Lãi vay	<u>5.918.705.751</u>	<u>7.596.724.373</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## 12. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có khả năng gặp rủi ro tín dụng.

### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

### *Phải thu*

Rủi ro tín dụng chủ yếu liên quan đến khoản phải thu phát sinh từ dịch vụ quản lý cung cấp cho các công ty con. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro này không trọng yếu.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban Giám đốc theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### *Tài sản đảm bảo*

Công ty không cầm cố hay nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**13. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Phải thu bên liên quan	252.931.205.106	-	43.989.594.373	-	252.931.205.106
Phải thu khác	85.247.439	-	85.247.439	-	85.247.439
Tiền	84.295.376	-	166.006.122	-	84.295.376
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>253.100.747.921</b>	<b>-</b>	<b>44.240.847.934</b>	<b>-</b>	<b>253.100.747.921</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	116.600.000	-	286.727.520	-	116.600.000
					<b>286.727.520</b>

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính được đánh giá tương đương với giá trị ghi sổ của chúng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**14. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

		VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được phân loại lại)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Phải thu cho vay ngắn hạn	-	36.392.870.000	36.392.870.000
Phải thu ngắn hạn khác	44.074.841.812	(36.392.870.000)	7.681.971.812

**15. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động riêng của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.




Lý Trần Kim Ngân  
Người lập



Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài  
Tổng Giám đốc 

Ngày 12 tháng 2 năm 2016